TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 05- 6 - 2017
V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phấn.

Bà Lê Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 6 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 03/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Bích A, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khối 13, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh M, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Trần Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3.2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quốc Tr, chức vụ: Phó phòng khách hàng và hộ sản xuất cá nhân. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Chị Hoàng Thị Bích A - Nguyên đơn.

4.2. Ông Phan Thanh M - Bị đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Bích A trình bày: Chị và anh Phan Thanh M kết hôn với nhau vào ngày 28/7/2011, do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhà ngoại ở khối 13, phường Hà Huy T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Trước khi đến với nhau, cả chị A và anh M đều đã từng ly hôn. Vợ chồng chung sống được 05 năm nhưng thời gian chung sống không nhiều do anh M thường xuyên ở Hà Nội với con riêng để nuôi cháu ăn học, thỉnh thoảng mới về. Trong quá trình chung sống vợ chồng chênh lệch tuổi tác, không phù hợp với tính cách, quan điểm. Từ tháng 6/2016 đến nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị A có nguyện vọng ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Phan Hoàng T, sinh năm 2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu T ở với mẹ. Ly hôn, chị A có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung gồm:

- Một căn nhà chung cư 52m^2 A4, số phòng 207 tầng 02 thuộc dự án nhà ở xã hội phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An trị giá 526.758.000đồng.

Về nợ: Vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Nghệ An số tiền 395.000.000 đồng mục đích để mua nhà chung cư (Tài sản thế chấp là căn nhà chung cư trên).

- Nợ chị Trần Thị H 150.000.000 đồng để đặt cọc mua căn nhà chung cư trên.

Ly hôn Chị A có nguyện vọng sở hữu nhà chung cư và có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ mua nhà.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, anh Phan Thanh M trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn như chị A trình bày là đúng. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 11/2015, khi đó anh phải đi điều trị bệnh ở Hà Nội, nay hai bên ly thân. Theo anh M, vợ chồng chưa có mâu thuẫn trầm trọng tuy nhiên tình cảm vợ chồng đến nay là không còn, chị A xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con: Vợ chồng có một con chung: Cháu Phan Hoàng T, sinh năm 2012. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu T ở với mẹ. Ly hôn, anh M có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng .

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung gồm: Một căn nhà chung cư 52 m^2 A4, số phòng 2.07 tầng 02 thuộc dự án nhà ở xã hội phường Quán B, thành phố V, tỉnh Nghệ An trị giá 526.758.000 đồng.

Về nợ: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Nghệ An 395.000.000 đồng mục đích để mua nhà chung cư (tài sản thế chấp là căn nhà chung cư nêu trên). Ngoài ra không có khoản nợ chung nào khác.

Ly hôn anh M có nguyện vọng sở hữu nhà chung cư và có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng và trích lại cho chị A một nửa số tiền đặt cọc mua nhà chung cư.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn do người đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 26/2/2016, Ngân hàng cho Chị A, anh M vay 395.000.000 đồng để mua căn nhà chung cư thuộc dự án nhà ở xã hội phường Quán B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đến ngày 22/2/2017 vợ chồng còn nợ gốc 355.500.000 đồng. Chị A là đối tượng được vay mua nhà ở xã hội. Nếu hai bên ly hôn, Ngân hàng yêu cầu Tòa không chia đôi nhà mà giao cho một người sở hữu gắn với trách nhiệm trả nợ ngân hàng theo hợp đồng.

Tại bản tự khai, chị Trần Thị H trình bày ngày 26/6/2015 chị H cho chị A vay 150.000.000 đồng để mua nhà chung cư thuộc dự án nhà ở xã hội phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Khi vay, anh M đang ở Hà Nội. Nếu hai bên ly hôn, chị A được giao nhà thì chị H yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng vay, không yêu cầu Tòa giải quyết. Nếu anh M sở hữu nhà thì buộc anh M phải trả nợ ngay.

Tại bản án số 03/2017/HNGĐ-ST ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng Điều 51, 55, 57,59, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, pháp lệnh án phí và lệ phí xử:

1, Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Thanh M và chị Hoàng Thị Bích A.

2, Về con chung: Giao Cháu Phan Hoàng T, sinh năm 2012 cho chị Hoàng Thị Bích A trực tiếp nuôi dưỡng, Buộc anh Phan Thanh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 2/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Kể từ ngày chị Hoàng Thị Bích A có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Phan Thanh M không cấp dưỡng nuôi con thì anh M phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3, Về tài sản: Giao cho chị Hoàng Thị Bích A được sở hữu một căn nhà chung cư A4, số phòng 2.07 tầng 02 thuộc dự án nhà ở xã hội 15 tầng, phường Q, thành phố Vinh, Nghệ An.

Chị Hoàng Thị Bích A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp phát tiển nông thôn tỉnh Nghệ An số tiền 355.500.000 đồng tiền gốc. Chị Hoàng Thị Bích A phải tiếp tục chịu chịu lãi đối với nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán xong nợ gốc.

Chị Hoàng Thị Bích A có nghĩa vụ trích chia tài sản chung cho anh Phan Thanh M số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 06/3/2017, Ông Phan Thanh M kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên sai cả về nội dung, bản chất và hình thức vụ ly hôn xét trên cả hai phương diện, tình trạng dẫn đến ly hôn và việc phân chia tài sản thiếu khách quan. Ông làm đơn kháng cáo bác toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án tuyên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 07/3/2017, chị Hoàng Thị Bích A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án xem xét tăng số tiền anh M phải cấp dưỡng nuôi con và tính thời gian nuôi con từ tháng 6/2016 và xem xét lại khoản tiền 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) mà chị A phải đưa lại cho anh M.

Ngày 23/3/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã có Quyết định Kháng nghị số 348/KNPT-DS đối với bản án số 03/2017/HNGĐ-ST ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An theo thủ tục phúc thẩm với nội dung: Sau khi xem xét bản án sơ thẩm số 03/2017/HNGĐ-ST ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An nhận thấy có những vi phạm như sau:

- Vi phạm trong việc chia tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh Phan Thanh M và chị Hoàng Thị Bích A đều thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là căn hộ chung cư A4 số phòng 2.07 tầng 02 thuộc dự án nhà ở xã hội 15 tầng tại phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An trị giá 526.758.000 đồng và khoản nợ chung 395.000.000 đồng (chị A đã trả 39.500.000 đồng nợ gốc và 18.000.000 đồng lãi suất), anh M và chị A đều có nguyện vọng được sở hữu nhà sau ly hôn. Bản án sơ thẩm nhận định sau khi trừ nợ chung của 02 vợ chồng tài sản chung của vợ chồng được xác định là 113.000.000 đồng và quyết định giao cho chị Hoàng Thị Bích A được sở hữu căn nhà chung cư A4, số phòng 2.07 tầng 02 có trị giá 526.758.000 đồng, buộc chị A phải trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An và trích chênh lệch cho anh Phan Thanh M 40.000.000 đồng. Như vậy, theo bản án sơ thẩm số tiền chị Hoàng Thị Bích A được chia là 73.000.000 đồng, còn anh Phan Thanh M được chia là 40.000.000 đồng nhưng bản án không nhận định gì về công sức đóng góp vào khối tài sản chung của mỗi bên là chưa hợp lý; mặt khác anh M là thương binh, lại không được chia nhà nên sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tạo lập nơi ở mới sau khi ly hôn.

- Vi phạm trong việc giải quyết về án phí:

+ Không giải quyết về án phí đối với khoản nợ chung, buộc chị A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 355.500.000 đồng và lãi suất nhưng lại không buộc chị A phải nộp án phí đối với 1/2 số tiền nợ phải trả là không phù hợp với quy định theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 01/2012/NQ - HĐTP ngày 13/6/2012 Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

+ Tính án phí không đúng quy định của pháp luật:

Theo quyết định của bản án sơ thẩm thì tài sản chung của vợ chồng được xác định là 113.000.000đ, chị Hoàng Thị Bích A có nghĩa vụ trích chênh lệch tài sản cho anh Phan Thanh M là 40.000.000 đồng. Như vậy, số tài sản chị A được hưởng có trị giá 73.000.000 đồng. Theo mục 2 Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí sơ thẩm đối với các vụ án về tranh chấp dân sự có giá ngạch thì đối với tài sản có giá trị từ trên 4.000.000đ đến 400.000.000đ đương sự phải nộp mức án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp. Chị A được miễn giảm 1/2 án phí nên theo quy định trên thì mức án phí chị Hoàng Thị Bích A phải nộp được tính như sau: 73.000.000 đồng x 5% : 2 = 1.825.000 đồng. Tuy vậy, bản án sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn phải nộp 1.750.000 đồng án phí chia tài sản chung là không chính xác.

Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố V đã vi phạm pháp luật dân sự. Những vi phạm của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm có thể khắc phục được nên cần

áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phan Thanh M và chị Trần Thị Bích A vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên Quyết định kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa án sơ thẩm về quan hệ tài sản và phần án phí.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị Hoàng Thị Bích A: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A rút một phần nội dung kháng cáo, không yêu cầu tăng mức cấp dưỡng cho cháu Phan Hoàng T nên Hội đồng xét xử không xem xét, cần đình chỉ đối với nội dung kháng cáo này.

[2] Chị A yêu cầu tính thời gian buộc anh M cấp dưỡng nuôi con từ tháng 6/2016, vì từ thời gian đó đến nay vợ chồng sống ly thân, anh M không có trách nhiệm gì với cháu T. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 6/2016 đến nay anh M thừa nhận không đóng góp gì cho chị A trong việc nuôi dưỡng cháu T nên cần buộc anh M phải có trách nhiệm nuôi con cùng chị A. Tuy nhiên, xét thấy trong thời gian này anh M đau ốm thường xuyên nên buộc anh M có trách nhiệm nuôi con cùng chị A số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Đối với khoản vay 150.000.000 đồng của chị Trần Thị H, chị A thừa nhận khi chị vay khoản tiền này chị có nói với anh M nhưng thời điểm đó anh M đang ở Hà Nội nên không ký vào giấy vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh M không công nhận khoản nợ 150.000.000 đồng và cho rằng anh không biết việc chị A vay tiền, anh không ký vào giấy vay tiền nên không chấp nhận nợ chung. Chị A không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị A, giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng pháp luật

[4] Đối với số tiền 40.000.000 đồng mà chị A phải trích chia tài sản chung cho anh M, cấp phúc thẩm thấy rằng: Về tài sản chung cả hai vợ chồng thống nhất có tài sản chung là 01 căn nhà chung cư 52 m^2 trị giá 526.758.000 đồng và nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Nghệ An 395.000.000 đồng. Cấp

sơ thẩm xác định số tiền chung của vợ chồng trước khi mua nhà là 113.000.000 đồng và chia cho chị A số tiền 73.000.000 đồng, anh M là 40.000.000 đồng là đã xem xét đến công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung của chị nhiều hơn. Nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị A về số tiền 40.000.000 đồng mà chị A phải trích chia tài sản chung cho anh M.

[5] Tuy nhiên, do có sự nhầm lẫn nên cấp sơ thẩm xác định chưa chính xác số tiền chung của vợ chồng trước khi mua nhà, nên cần sửa án sơ thẩm, xác định lại số tiền là 131.758.000 đồng và chia cho chị A số tiền 86.758.000 đồng, anh M là 45.000.000 đồng.

[6] Xét kháng cáo của anh Phan Thanh M: Anh M không kháng cáo yêu cầu đoàn tụ mà chỉ kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét làm rõ nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm cả hai đều thừa nhận vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng; chị A cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M không có trách nhiệm với vợ con; Anh M không thừa nhận mà cho rằng vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn kể từ khi anh M đi viện về, vợ chồng không còn tình cảm, chị A làm đơn ly hôn nên anh M nhất trí ly hôn. Cấp sơ thẩm chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai bên là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về con chung: Anh M kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu Phan Hoàng T và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị A không nhất trí, hơn nữa cháu T đã ở với chị A từ nhỏ, việc thay đổi người nuôi con sẽ làm xáo trộn cuộc sống, tâm sinh lý bình thường của cháu, nên cần giữ nguyên như cấp sơ thẩm đã giao, kháng cáo của anh M không có cơ sở chấp nhận.

[8] Về việc phân chia tài sản: Chị A là phụ nữ nuôi con nhỏ, có công sức lớn trong việc mua nhà ở xã hội, hơn nữa chị A là đối tượng được mua nhà ở xã hội theo quy định của nhà nước. Cấp sơ thẩm giao căn nhà chung cư cho chị An sở hữu, buộc chị A trả nợ Ngân hàng 355.500.000 đồng và trích chia tài sản chung cho anh M 40.000.000 đồng là phù hợp. Cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh M, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[9] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Về chia tài sản chung của vợ chồng: Cấp sơ thẩm không nhận định về công sức đóng góp vào khối tài sản chung của mỗi bên là thiếu sót, kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Việc cấp sơ thẩm giao căn nhà chung cư cho chị A sở hữu, buộc chị A trả nợ Ngân hàng 355.500.000 đồng và trích chia tài sản chung cho anh M 40.000.000 đồng là đã xem xét đến công sức đóng góp của mỗi bên. Chị A là phụ nữ nuôi con nhỏ, có công sức lớn trong việc mua nhà ở xã hội, hơn nữa chị A là đối tượng được mua nhà ở xã hội theo quy định

của nhà nước nên giao nhà cho chị A là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

[10] Về án phí đối với khoản nợ chung 355.000.000 đồng sơ thẩm giao cho chị A có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 01/2012/NQ - HĐTP ngày 13/6/2012 Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao chỉ hướng dẫn "vợ chồng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản mà họ có nghĩa vụ đối với người có yêu cầu độc lập" mà không hướng dẫn trường hợp nếu chủ nợ không có yêu cầu độc lập thì có phải chịu án phí hay không. Trong vụ án này, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập, chưa yêu cầu trả nợ mà chỉ yêu cầu Tòa án giao trách nhiệm trả nợ, cấp sơ thẩm giao cho chị A tiếp tục trả nợ, Ngân hàng chưa yêu cầu trả nợ ngay nên không có căn cứ buộc chị A phải chịu án phí đối với 1/2 số tiền nợ, cần giữ nguyên như cấp sơ thẩm tuyên xử là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

[11] Về giải quyết án phí chia tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng được xác định là 113.000.000 đồng, chị A được hưởng 73.000.000 đồng, và có nghĩa vụ trích chia tài sản chung cho anh M 40.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm tính án phí chị A phải nộp chưa chính xác, nên cần tính lại như kháng nghị của Viện kiểm sát như sau: 73.000.000 đồng x 5% : 2 = 1.825.000 đồng. Buộc chị A phải chịu 1.825.000 đồng án phí chia tài sản.

[12] Tuy nhiên, về án phí do sửa án sơ thẩm về cách phân chia số tiền chung của vợ chồng trước khi mua nhà, nên phần án phí cũng cần phải sửa lại. Chị Hoàng Thị Bích A phải chịu 2.168.950 đồng án phí chia tài sản. Kháng cáo của chị A được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho anh M.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 298, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con của chị Hoàng Thị Bích A.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của chị Hoàng Thị Bích A. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Thanh M. Chấp nhận một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 59,71, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, pháp lệnh án phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

Về con chung: Giao Cháu Phan Hoàng T, sinh năm 2012 cho chị Hoàng Thị Bích A trực tiếp nuôi dưỡng, Buộc anh Phan Thanh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 6/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Buộc anh Phan Thanh M phải có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung cùng chị A trong thời gian từ tháng 6/2016 đến 02/2017 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày chị Hoàng Thị Bích A có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Phan Thanh M không cấp dưỡng nuôi con thì anh M phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản: Giao cho chị Hoàng Thị Bích A được sở hữu một căn nhà chung cư A4, số phòng 2.07 tầng 02 thuộc dự án nhà ở xã hội 15 tầng, phường Q, thành phố V, Nghệ An.

Chị Hoàng Thị Bích A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp phát tiển nông thôn tỉnh Nghệ An số tiền 355.500.000 đồng tiền gốc. Chị Hoàng Thị Bích A phải tiếp tục chịu chịu lãi đối với nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán xong nợ gốc.

Chị Hoàng Thị Bích A có nghĩa vụ trích chia tài sản chung cho anh Phan Thanh M số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Về án phí: Chị Hoàng Thị Bích A phải chịu án 200 000 đồng phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí chị An đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003513 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, Nghệ An.

Chị Hoàng Thị Bích A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trả lại cho chị Hoàng Thị Bích A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003931 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, Nghệ An.

Miễn án phí chia tài sản chung cho anh Phan Thanh M; Chị Hoàng Thị Bích A phải chịu 2.168.950 đồng án phí chia tài sản.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố V;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi Cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân